

MUA [+36%]

Giá hợp lý

Giá hiện tại

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)

Free float (triệu)

Vốn hóa (tỷ VND)

KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)

Sở hữu nước ngoài (%)

Ngày niêm yết đầu tiên

Ngày cập nhật:

03/11/2023

59,400 VND

43,700 VND

65.3

13

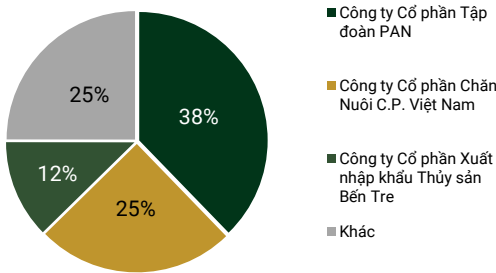
2,814.99

63,073

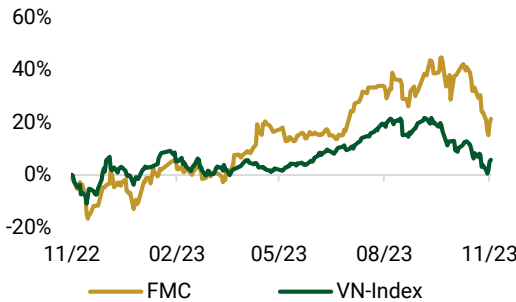
30.55%

12/07/2006

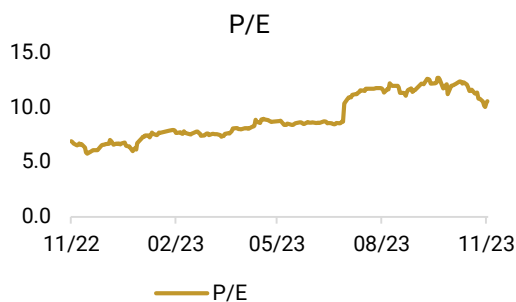
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI INDEX



LỊCH SỬ ĐỊNH GIÁ



Triển vọng dài hạn nhờ nâng cao năng suất chế biến và mở rộng vùng nuôi

Kết quả kinh doanh 9T2023: Hoạt động kinh doanh của FMC khởi sắc hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành khi ghi nhận doanh thu thuần Q3/2023 đạt 1,793 tỷ đồng (+2.3% YoY) và LNST đạt 89 tỷ đồng (+11.9% YoY). Biên lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 10.3% từ mức 8.6% vào Q2/2023 nhờ duy trì xuất khẩu sản phẩm chế biến sang Nhật Bản. Vào tháng 10/2023, FMC đã điều chỉnh giảm kế hoạch doanh thu về 4,870 tỷ đồng (giảm 17.5% so với kế hoạch đầu năm). Luỹ kế 9T2023, doanh thu thuần của FMC giảm 14.6% YoY đạt 3,835 tỷ đồng, hoàn thành 78.7% kế hoạch doanh thu năm 2023. LNST giảm 11.2% YoY đạt 213 tỷ đồng, thấp hơn so với PHS ước tính do giá bán tôm vẫn duy trì ở mức thấp. FMC cho biết tình hình đơn hàng chế biến sâu vẫn được duy trì ổn định trong tháng 11, 12 nhờ tình hình tiêu thụ cuối năm có phần tốt hơn.

Điểm nhấn đầu tư:

Đẩy mạnh năng suất chế biến tạo động lực tăng trưởng dài hạn: Năm 2022, FMC đã mở rộng thêm hai nhà máy chế biến giúp công suất chế biến của FMC tăng 80% lên 45,000 tấn/năm. Vào thời điểm hoạt động tối đa công suất vào năm 2027F, chúng tôi kỳ vọng sản lượng tôm tiêu thụ sẽ tăng khoảng 40% so với năm 2022.

Mở rộng vùng nuôi giúp nâng cao năng lực tự chủ nguyên liệu, đồng thời đẩy mạnh sản phẩm tôm chế biến: Vào tháng 7/2022, FMC đã mở rộng thêm 200ha diện tích nuôi mới, góp phần nâng tổng diện tích vùng nuôi lên 520ha. Việc mở rộng vùng nuôi sẽ giúp công ty duy trì tỷ lệ tự chủ nguyên liệu lên mức 30% (so với 20% - 25% trước đây). FMC cũng tập trung phát huy thế mạnh các sản phẩm tôm chế biến có biên lợi nhuận gần gấp đôi so với các sản phẩm tôm tươi và đẩy mạnh vào thị trường Nhật Bản, qua đó góp phần ổn định biên lợi nhuận gộp.

Hưởng lợi từ hiệp định EVFTA và CPTPP: Mức thuế ưu đãi từ EVFTA và CPTPP sẽ mang đến nhiều lợi thế cho FMC nhằm mở rộng xuất khẩu sang EU và Nhật Bản. Theo đó, thị trường Nhật Bản và EU là hai thị trường xuất khẩu chính của FMC với tỷ trọng luôn chiếm khoảng 50% - 60% trong cơ cấu doanh thu xuất khẩu.

Định giá & khuyến nghị: Chúng tôi dự phóng doanh thu và LNST của FMC năm 2023F đạt lần lượt 5,235 tỷ đồng (-8.2% YoY) và 272 tỷ đồng (-15.1% YoY), giảm lần lượt 1.3% và 13.4% so với dự báo trước đó của chúng tôi do giá tôm vẫn duy trì ở mức thấp. Chúng tôi cũng dự báo FMC sẽ ghi nhận sự tăng trưởng trở lại vào năm 2024F với doanh thu thuần và LNST đạt lần lượt 5,661 tỷ đồng (+8.1% YoY) và 318 tỷ đồng (+16.5% YoY). Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý dành cho cổ phiếu FMC là 59,400 đồng/cổ phiếu. Do đó đưa ra khuyến nghị **Mua** cho FMC với mức tăng giá tiềm năng là 36%.

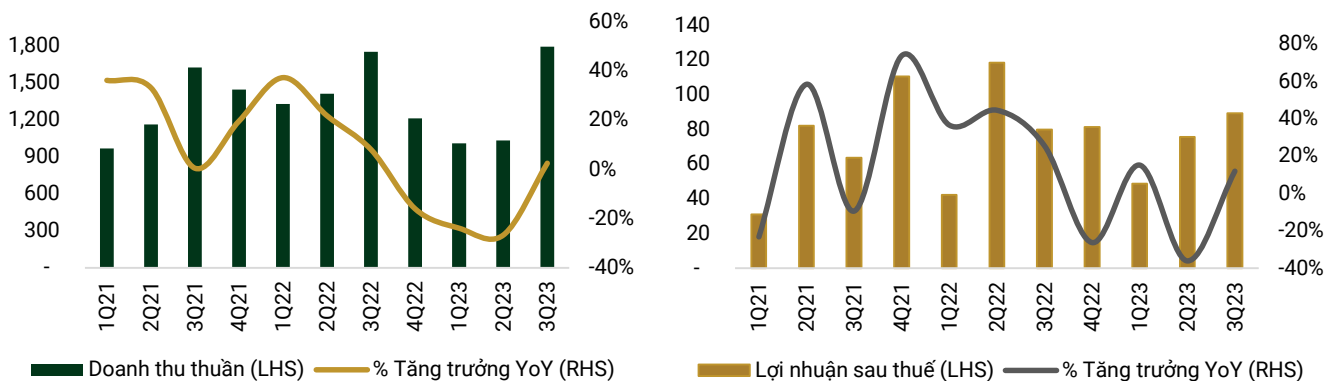
Rủi ro: (1) Rủi ro cạnh tranh; (2) Rủi ro nguồn nguyên liệu đầu vào; (3) Rủi ro tỷ giá hối đoái; (4) Rủi ro tập trung doanh thu; (5) Rủi ro dịch bệnh; (6) Rủi ro lạm phát.

Chỉ số tài chính	2019A	2020A	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	3,710	4,415	5,199	5,702	5,235	5,661
LNST (tỷ VND)	230	226	287	321	272	318
EPS (VND)	5,468	4,607	4,677	4,605	4,167	4,856
Tăng trưởng EPS (%)	41%	-16%	2%	-2%	-10%	17%
Giá trị sổ sách (VND)	19,141	22,044	30,231	32,361	34,528	37,384
P/E	4.8	7.8	11.1	10.9	10.4	9.0
P/B	1.4	1.6	1.7	1.0	1.3	1.2
Cổ tức (VND)	25%	25%	20%	20%	N/A	N/A

Kết quả kinh doanh 9M2023

Theo VASEP, xuất khẩu tôm Việt Nam trong 9T2023 vẫn duy trì mức tăng trưởng âm khi kim ngạch giảm 26% YoY đạt 2.5 tỷ USD. Trong khi đó, hoạt động kinh doanh của FMC có phần khởi sắc hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành khi ghi nhận doanh thu thuần Q3/2023 đạt 1,793 tỷ đồng (+2.3% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 89 tỷ đồng (+11.9% YoY). Biên lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 10.3% từ mức 8.6% vào Q2/2023 nhờ tăng cường tỷ trọng xuất khẩu sang Nhật Bản với phân khúc sản phẩm chế biến có biên lợi nhuận tốt hơn. Luỹ kế 9T2023, doanh thu thuần của FMC giảm 14.6% YoY đạt 3,835 tỷ đồng, hoàn thành 78.7% kế hoạch doanh thu năm 2022. Lợi nhuận sau thuế giảm 11.2% YoY đạt 213 tỷ đồng.

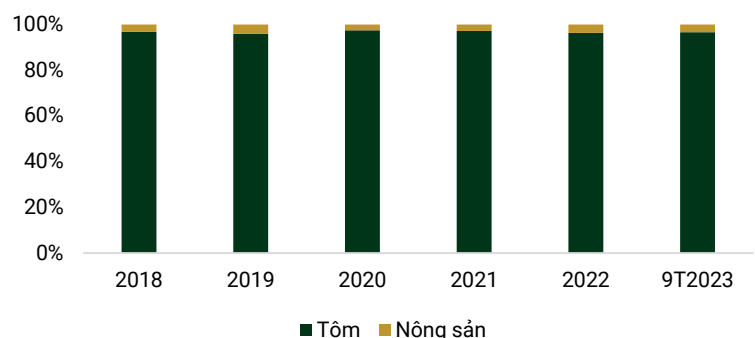
Tình hình kinh doanh của FMC (Tỷ đồng)



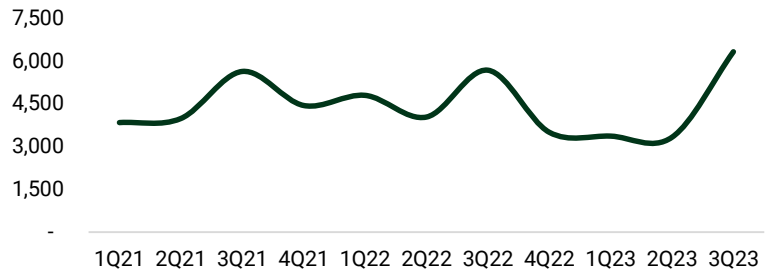
(Nguồn: FMC, PHS tổng hợp)

Doanh thu từ mảng tôm xuất khẩu vẫn là động lực tăng trưởng chính của FMC với các sản phẩm chính là tôm tươi, tôm Nobashi, tôm tẩm bột, tôm hấp. Luỹ kế 9T2023, doanh thu mảng tôm giảm 14% YoY đạt 3,704 tỷ đồng. Kể từ tháng 6/2023, sản lượng tiêu thụ tôm của FMC đã cải thiện đáng kể sau một thời gian chịu tác động tiêu cực do nhu cầu tiêu thụ suy yếu. Cụ thể, trong Q3/2023, sản lượng tiêu thụ tôm tăng trưởng 11% YoY đạt hơn 6,300 tấn. Tuy nhiên, giá bán tôm trung bình vào 9T2023 vẫn chịu sức ép sụt giảm 4.6% YoY đạt gần 284,000 VND/kg. Do đó, biên lợi nhuận mảng tôm giảm xuống mức 8.6% từ mức 9.6% vào 9T2022.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm của FMC



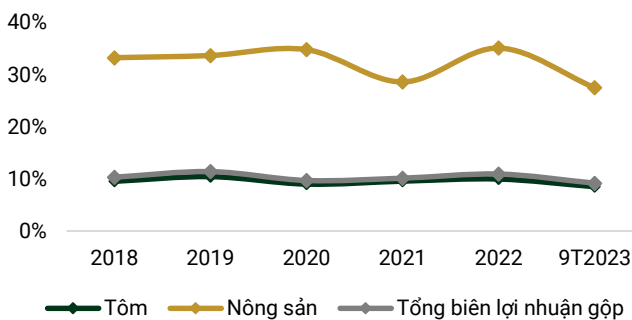
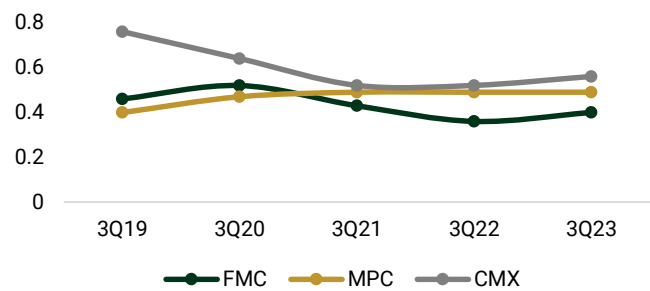
(Nguồn: FMC, PHS tổng hợp)

Sản lượng tôm tiêu thụ của FMC qua các quý (tấn)


(Nguồn: FMC, PHS tổng hợp)

Trong 9T2023, doanh thu mảng nông sản đạt 131 tỷ đồng (-20% YoY), chiếm 3.4% tổng doanh thu. Mặc dù chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong cơ cấu doanh thu, nhưng mảng nông sản có biên lợi nhuận ấn tượng ở mức 27.5% trong 9T2023. Việc đưa nhà máy Tam An vào hoạt động giúp tăng gần gấp đôi năng suất cho mảng nông sản lên gần 8,000 tấn/năm. Chúng tôi kì vọng doanh thu mảng nông sản sẽ tăng khoảng 12% YoY đạt 208 tỷ đồng vào năm 2024F, đóng góp khoảng 3.7% trong cơ cấu doanh thu của FMC.

Tính đến tháng 9/2023, FMC đã thu hoạch gần 2,000 tấn tôm (khoảng 10% tổng sản lượng trong năm), góp phần chủ động nguồn nguyên liệu và giảm giá thành sản phẩm cuối cùng. Việc thu hoạch tôm dự kiến sẽ kéo dài đến hết tháng 11 và thả vụ nuôi mới ngay trong năm. Tuy nhiên, FMC đánh giá kết quả nuôi tôm chưa tốt do tỷ lệ thành công không cao và cỡ tôm thu hoạch chỉ ở mức trung bình. Theo FMC, tình hình đơn hàng chế biến sâu vẫn được duy trì ổn định trong tháng 11, 12 nhờ tình hình tiêu thụ cuối năm có phần khởi sắc hơn.

Biên lợi nhuận gộp theo sản phẩm

Tỷ lệ Nợ/Tổng Tài sản của các doanh nghiệp xuất khẩu tôm


(Nguồn: FMC, PHS tổng hợp)

Trong cơ cấu nợ, FMC chủ yếu sử dụng nợ ngắn hạn nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động. Công ty không sử dụng nợ vay dài hạn. Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản của FMC thấp hơn các doanh nghiệp cùng ngành, đạt mức 0.4x vào Q3/2023, chúng tôi thấy rằng mức độ rủi ro từ việc sử dụng đòn bẩy tài chính của FMC là tương đối thấp.

Ngoài giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng cũng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí của FMC. Đáng chú ý, trong 9T2023, chi phí bán hàng giảm 56.8% YoY còn 82 tỷ đồng nhờ sự sụt giảm trong chi phí vận chuyển khi giá cước vận chuyển giảm mạnh so với mức đỉnh năm ngoái, góp phần làm cho biên lợi nhuận ròng của FMC tăng lên 5.6% từ mức 5.4% vào 9T2022.

Dự phóng kết quả kinh doanh

Áp lực suy thoái kinh tế tại các thị trường chủ lực như Mỹ, Châu Âu làm suy giảm sức mua của người tiêu dùng và cạnh tranh gay gắt từ Ecuador, Ấn Độ nhờ lợi thế tôm giá rẻ khiến triển vọng ngành tôm Việt Nam trong năm 2023 khá ảm đạm. Tuy nhiên, nhờ chiến lược thay đổi thị trường và phân khúc sản phẩm hợp lí, chúng tôi dự phóng doanh thu năm 2023F và 2024F của FMC lần lượt đạt 5,235 tỷ đồng (-8.2% YoY) và 5,661 tỷ đồng (+8.1% YoY).

Nhờ lợi thế về (1) chi phí vận chuyển đến Nhật Bản thấp hơn so với Mỹ, Châu Âu, (2) sản phẩm tôm chế biến Việt Nam có ưu thế hơn so với thị trường khác, (3) được hỗ trợ bởi các hiệp định thương mại tự do như: VJEP, RCEP, CPTPP, (4) tỷ suất lợi nhuận ở Nhật Bản tốt hơn do có tỷ lệ hàng tinh chế, phối chế cao, chúng tôi cho rằng xuất khẩu tôm sang thị trường Nhật Bản sẽ là điểm sáng cho FMC. Qua đó, chúng tôi ước tính LNST của FMC năm 2023F giảm 15.1% YoY đạt 272 tỷ đồng và tăng 16.5% YoY đạt 318 tỷ đồng vào năm 2024F.

Tuy nhiên, do giá bán tôm trung bình giảm, chúng tôi kì vọng biên lợi nhuận gộp năm 2023F giảm xuống mức 9.6% và sẽ cải thiện lên mức 10.3% vào năm 2024F nhờ (1) tăng tỷ lệ tự chủ nhờ mở rộng vùng nuôi giúp giảm chi phí sản xuất tôm nguyên liệu, (2) phát huy thế mạnh ở phân khúc sản phẩm tôm chế biến và nông sản có biên lợi nhuận tốt hơn.

Dù vậy, trong dài hạn, chúng tôi vẫn tin tưởng triển vọng của FMC qua những điểm nhấn đầu tư sau:

- (1) Đẩy mạnh năng suất chế biến tạo động lực tăng trưởng dài hạn
- (2) Mở rộng vùng nuôi giúp nâng cao năng lực tự chủ nguyên liệu, đồng thời đẩy mạnh sản phẩm tôm chế biến
- (3) Hưởng lợi từ hiệp định EVFTA và CPTPP

Định giá và khuyến nghị

Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, chúng tôi ước tính giá hợp lý đối với FMC là 59,400 VNĐ/CP (+36% so với giá hiện tại). Qua đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **Mua** cho FMC.

Chiết khấu dòng tiền

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2023E	2024E	2025E	2026E	2027E
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)	261	304	366	435	502
Lợi nhuận hoạt động ròng sau thuế	255	298	357	426	490
Khấu hao	81	107	122	135	149
WC	14	(75)	(64)	(80)	(81)
CAPEX	(288)	(255)	(249)	(202)	(205)
FCFF	61	75	166	278	353
Giá trị hiện tại của FCFF (WACC 9.7%)	56	64	131	202	237
Giá trị hiện tại của giá trị cuối cùng (3.0% g)	4,584				
Nợ ròng	(1,095)				
Giá trị vốn cổ phần	4,178				
SLCP	65,388,889				
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	63,902				

Phương pháp EV/EBITDA	
EV/EBITDA ngành	11.1x
EV (tỷ đồng)	3,786
Nợ ròng (tỷ đồng)	(1,095)
Giá trị vốn cổ phần (tỷ đồng)	2,690
SLCP	65,388,889
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	41,144

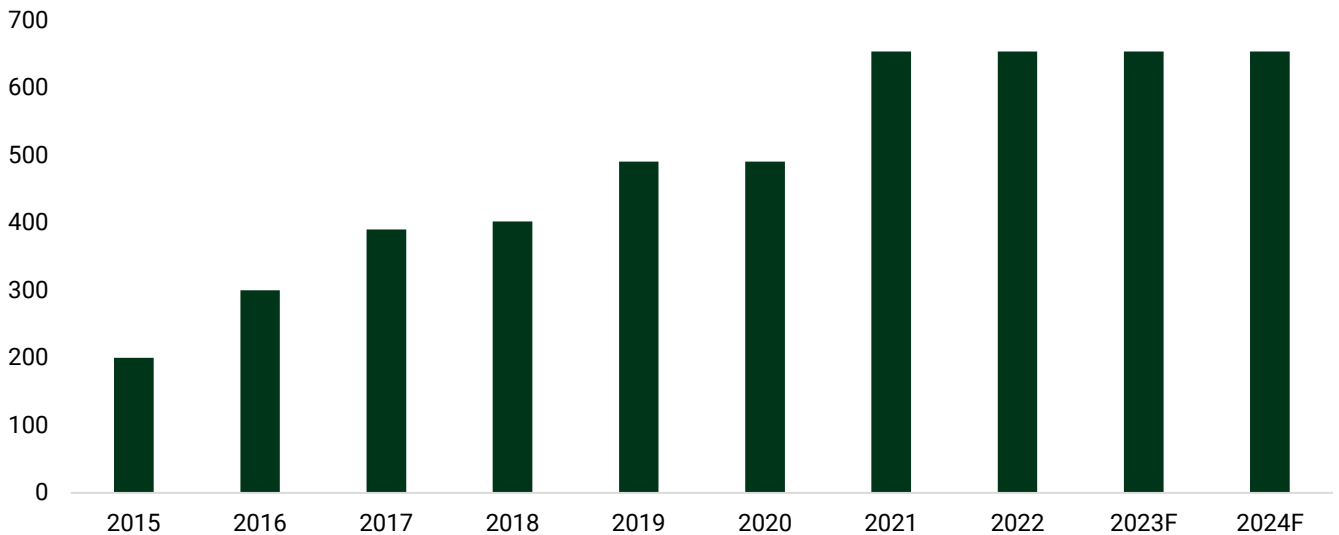
	DCF	EV/EBITDA	Giá hợp lý
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	63,902	41,144	59,350 VNĐ/cp
Tỷ trọng	80%	20%	

Sơ lược công ty



Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta thành lập năm 1996, năm 2003 chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần, năm 2006 cổ phiếu của công ty niêm yết và giao dịch tại HOSE. Hoạt động kinh doanh chính là Chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ tôm chiếm hơn 96% doanh thu. Các sản phẩm chính của công ty là Tôm tươi, Tôm Nobashi, Tôm tẩm bột, tôm hấp trong đó tôm tươi chiếm tỉ trọng lớn nhất, 37.02%, sau đó là tôm Nobashi 27.13%, với thị trường tiêu thụ truyền thống là Nhật và Mỹ. Hiện FMC đang mở rộng và khôi phục lại các thị trường EU, Nga và Hàn Quốc.

Quá trình tăng vốn (Tỷ VND)



(Nguồn: FMC, PHS dự phóng)

Báo cáo tài chính

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E	2024E
Doanh thu thuần	3,710	4,415	5,199	5,702	5,235	5,661
Giá vốn hàng bán	(3,285)	(3,986)	(4,670)	(5,076)	(4,732)	(5,078)
Lợi nhuận gộp	425	430	529	626	503	583
Chi phí bán hàng	(118)	(147)	(197)	(226)	(157)	(187)
Chi phí QLDN	(69)	(58)	(67)	(93)	(85)	(92)
Lợi nhuận từ HĐKD	238	225	265	307	261	304
Lợi nhuận tài chính	(3)	11	21	17	16	17
Chi phí lãi vay	(17)	(14)	(14)	(17)	(16)	(17)
Lợi nhuận trước thuế	236	237	289	328	279	325
Lợi nhuận sau thuế	230	226	287	321	272	318
LNST của cổ đông Công ty mẹ	230	226	267	309	272	318

Cân đối kế toán	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E	2024E
Tài Sản Ngắn Hạn	1,098	1,221	2,150	1,877	1,941	2,081
Tiền và tương đương tiền	244	268	770	585	681	736
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9	10	25	11	10	11
Phải thu ngắn hạn	242	305	377	280	308	372
Hàng tồn kho	578	608	941	929	876	891
Tài sản ngắn hạn khác	25	30	38	72	66	71
Tài Sản Dài Hạn	423	490	550	1,112	1,131	1,286
Phải thu dài hạn	3	4	4	-	-	-
Tài sản cố định	267	308	263	419	327	496
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	105	7	188	446	557	696
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	47	171	94	248	248	94
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng tài sản	1,521	1,711	2,700	2,989	3,072	3,367
Nợ phải trả	582	630	723	873	814	923
Nợ ngắn hạn	572	620	713	863	804	913
Nợ dài hạn	10	10	10	10	10	10
Vốn chủ sở hữu	939	1,081	1,977	2,116	2,258	2,445
Vốn góp	490	490	654	654	654	654
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	1,521	1,711	2,700	2,989	3,072	3,367

Lưu chuyển tiền tệ	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E	2024E
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	557	42	178	435	352	336
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(151)	(61)	(233)	(515)	(290)	(257)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(189)	42	555	(101)	33	(24)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	217	24	501	(181)	95	55
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	27	244	268	770	585	681
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	244	268	770	585	681	736

Chỉ số tài chính	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E	2024E
Tăng trưởng (%)						
Doanh thu	-2.5%	19.0%	17.8%	9.7%	-8.2%	8.1%
Lợi nhuận sau thuế	27.3%	-1.7%	27.1%	11.8%	-15.1%	16.5%
Tổng tài sản	1.7%	12.5%	57.8%	10.7%	2.8%	9.6%
Tổng vốn chủ sở hữu	36.3%	15.2%	82.8%	7.0%	6.7%	8.3%
Khả năng sinh lời (%)						
Tỷ suất lãi gộp	11.4%	9.7%	10.2%	11.0%	9.6%	10.3%
Tỷ suất EBIT	6.4%	5.1%	5.1%	5.4%	5.0%	5.4%
Tỷ suất lãi ròng	6.2%	5.1%	5.5%	5.6%	5.2%	5.6%
ROA	15.1%	13.2%	10.6%	10.7%	8.9%	9.4%
ROE	24.5%	20.9%	14.5%	15.2%	12.1%	13.0%
Hiệu quả hoạt động						
Số ngày phải thu	27	27	27	18	21	24
Số ngày tồn kho	63	55	73	66	67	63
Số ngày phải trả	5	5	7	6	5	5
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.92	1.97	3.02	2.18	2.41	2.28
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.91	0.99	1.70	1.10	1.32	1.30
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.38	0.37	0.27	0.29	0.27	0.27
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0.62	0.58	0.37	0.41	0.36	0.38
Vay ngắn hạn/VCSH	0.61	0.57	0.36	0.41	0.36	0.37
Vay dài hạn/VCSH	0.01	0.01	0.01	0.00	0.00	0.00

(Nguồn: PHS tổng hợp)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Dương Trung Hoa, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 8 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân

Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 & 5, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị

Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân

Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,

Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,

Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai

Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo,

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801